

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HS-PT
Ngày 16-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yên Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công K vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 58/2018/TLPT-HS ngày 12 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm: 1969 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp PN, xã PĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (chết) và bà Trần Thị A; có chồng Nguyễn Văn T; có 02 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1988; tiền án: tại Bản án hình sự số 88/2016/HSPT ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 10.000.000 đồng về “Tội đánh bạc”; tiền sự: tại Quyết định số 0030/QĐ-XPHC ngày 16/5/2016 của Trưởng công an xã PĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre đã xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06/4/2017, Nguyễn Thị T (là đối tượng có tiền

án về tội Đánh bạc chưa được xóa án tích) nhờ con dâu Nguyễn Thị T2, sinh năm 1990, chở đến nhà Trần Kim H, sinh năm 1979, đăng ký thường trú: ấp KHT, xã TT, CT, tỉnh Bến Tre đi công việc. Khi gần đến nơi T xuống xe đi bộ và kêu chị T2 về trước. Lúc đến nhà bà H thấy có Nguyễn Thanh L (Saly), sinh năm 1983, đăng ký thường trú: ấp PL, xã PD, huyện CT, tỉnh Bến Tre đang làm cái lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền cùng tham gia có Huỳnh Thị N, sinh năm 1963, đăng ký thường trú: ấp PL, xã PD, huyện CT, tỉnh Bến Tre, Huỳnh Thị Thu T3, sinh năm 1979, đăng ký thường trú: ấp HL, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre, Huỳnh Bích T4, sinh năm 1982, đăng ký thường trú: ấp PL, xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre, Huỳnh Thị Thu T5, sinh năm 1983, đăng ký thường trú: ấp HL, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre, Võ Thị Kim T6, sinh năm 1977, đăng ký thường trú: ấp Tân Đông, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thị H, sinh năm 1974, đăng ký thường trú: ấp KHT, xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Anh D, sinh năm 1978, đăng ký thường trú: ấp KHT, xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thị S, sinh năm 1971, đăng ký thường trú: ấp TTT, xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thị B, sinh năm 1965, đăng ký thường trú: ấp PH, xã PD, huyện CT, tỉnh Bến Tre. T thấy chơi lắc tài xỉu nên tham gia dùng số tiền 2.300.000 đồng đem theo đặt cược hình thức lắc tài xỉu do L làm cái không xoay vòng có hùn với bà N mỗi người 1.000.000 đồng để làm vốn đặt cược với những đối tượng còn lại, mỗi ván đặt thấp nhất 50.000 đồng, khi lắc ra bão (3 hột xí ngầu có nút giống nhau) thì L ăn hết và trả tiền xâu cho bà Trần Kim H 50.000 đồng, người chơi có thể chơi tùy ván không bắt buộc chơi liên tục. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, thì bị lực lượng Công an huyện CT phát hiện thu giữ nhiều tang vật. Qua làm việc các đối tượng đều thừa nhận có tham gia đánh bạc nhưng đến ván cuối khi bị bắt đã nghỉ không chơi nữa. Ngoài các đối tượng chơi lắc tài xỉu, tại hiện trường còn có Hồ Văn H, Mai Văn C, Nguyễn Hữu T đến chơi không tham gia, Hồ Như Kh và Ngô Thị Hồng K đến nhà người quen chơi dựng xe mô tô gần hiện trường nên đã thu giữ xe.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 bàn nhựa màu xanh, trên bàn nhựa có 01 chung bằng nhựa, 03 hột xí ngầu bằng nhựa, số tiền 700.000 đồng.
- Thu trong người Nguyễn Thị T số tiền 3.900.000 đồng.
- Thu trong người Nguyễn Thanh L số tiền 700.000 đồng.
- Thu trong người Hồ Văn H số tiền 5.600.000 đồng.
- Thu trong người Nguyễn Thị H 01 điện thoại Mobiistar cảm ứng màu đen.

- Thu trong người Huỳnh Bích Tsố tiền 2.800.000 đồng, 01 điện thoại Nokia màu vàng.

- Thu trong người Huỳnh Thị N số tiền 13.600.000 đồng (trong đó có số tiền 10.500.000 đồng của Huỳnh Thị Thu T3 đưa cho Nhận giữ lúc bị Công an bắt giữ) 01 điện thoại Nokia màu đen.

- Thu trong người Mai Văn C số tiền 1.800.000 đồng, 01 điện thoại Nokia màu đen.

- Thu trong người Huỳnh Thị Thu T4 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Samsung ốp lưng màu xanh.

- Thu trong người Huỳnh Thị Thu T3 01 điện thoại Nokia màu đen.

- Thu trong người Nguyễn Anh D số tiền 3.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 5S màu vàng trắng.

- Thu trong người Nguyễn Hữu T số tiền 14.600.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng đồng.

- 01 xe mô tô biển số 71F8-0475.

- 01 xe mô tô biển số 71B2-295.17.

- 01 xe mô tô biển số 71C3-107.25.

- 01 xe mô tô biển số 71H5-5529.

- 01 xe mô tô biển số 54P9-0617.

Quá trình điều tra xác minh những vật chứng đã thu giữ do không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 5.600.000 đồng cho Hồ Văn H; trả 01 điện thoại Mobiistar cảm ứng màu đen và 01 xe mô tô biển số 71F8-0475 cho Nguyễn Thị H; trả số tiền 2.800.000 đồng và 01 điện thoại Nokia màu vàng cho Huỳnh Bích T4; trả số tiền 3.100.000 đồng và 01 điện thoại Nokia màu đen cho Huỳnh Thị N; trả số tiền 1.800.000 đồng và 01 điện thoại Nokia màu đen cho Mai Văn C; trả 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Samsung ốp lưng màu xanh và 01 xe mô tô biển số 71C3-107.25 cho Huỳnh Thị Thu T4; trả số tiền 10.500.000 đồng và 01 điện thoại Nokia màu đen cho Huỳnh Thị Thu T5; trả số tiền 3.000.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 5S màu vàng trắng cho Nguyễn Anh D; trả số tiền 14.600.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng đồng và 01 xe mô tô biển số 71B2-295.17 cho Nguyễn Hữu Thành; trả 01 xe mô tô biển số 71H5-5529 cho Hồ

Như Khánh; trả 01 xe mô tô biển số 54P9-0617 cho Ngô Thị Hồng Kh.

Đối với số tiền 700.000 đồng thu trên bàn nhựa chỉ có Nguyễn Anh D thừa nhận ván cuối có đặt cược 100.000 đồng, L thừa nhận có tiền của mình để trên bàn nhưng không nhớ bao nhiêu, không nhớ ai đặt tiền ván cuối, các đối tượng còn lại không nhớ có đặt cược hay không.

Qua làm việc Nguyễn Thị T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được, đã chứng minh số tiền 3.900.000 đồng thu trong người Nguyễn Thị T đã được dùng vào đánh bạc, trong đó số tiền 2.300.000 đồng là số tiền mang theo dùng đánh bạc, số tiền 1.600.000 đồng là tiền chơi tài xỉu thắng được.

Ngoài ra, Nguyễn Thanh L, Huỳnh Bích T4, Nguyễn Thị H, Hồ Văn H còn thừa nhận có đánh bạc trước đó với hình thức lắc tài xỉu nhưng không thu giữ và xác định được số tiền dùng vào đánh bạc nên không có cơ sở để xử lý.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm “Tội đánh bạc”;

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/8/2018, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận hành vi phạm tội đánh bạc đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 tháng tù về “Tội đánh bạc”. Các quyết định khác của Bản án

sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo phát biểu ý kiến: xin Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: vào khoảng 13 giờ ngày 06/4/2017, tại ấp KHT, xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Thị T mặc dù đã bị kết án về “Tội đánh bạc” chưa được xóa án tích và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc chưa được xóa tiền sự nhưng đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lặc tài xỉu được thua bằng tiền với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 3.900.000 đồng, sự việc bị Công an huyện CT, tỉnh Bến Tre phát hiện. Số tiền 3.900.000 đồng bị cáo dùng vào việc đánh bạc tuy chưa đủ định lượng cấu thành cơ bản tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (dưới 5.000.000 đồng) nhưng do bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc chưa được xóa tiền sự và đã bị kết án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích, vì vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Định lượng cấu thành cơ bản của tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 “có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng” là nặng hơn so với định lượng cấu thành cơ bản của tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng”. Theo khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”. Theo điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội quy định: “Các điều khoản của Bộ luật

Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; *quy định hình phạt nhẹ hơn*, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và *các quy định khác có lợi cho người phạm tội* thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích”. Như vậy; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội quy định về việc áp dụng quy định có lợi cho bị cáo, trong trường hợp này bị cáo được áp dụng quy định có lợi nên phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo phạm “Tội đánh bạc” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, nhưng xác định bị cáo phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật vì chưa xem xét áp dụng quy định có lợi cho bị cáo, cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có người thân có công với đất nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến theo quy định tại các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù. Xét thấy; theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt tù “từ 03 tháng đến 03 năm” là nhẹ hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù “từ 06 tháng đến 03 năm”, vì vậy khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần xem xét áp dụng quy định có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Xét thấy bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lặt tài xỉu được thua bằng tiền của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng xã hội; bị cáo có nhân thân xấu, đã có tiền án về tội đánh bạc và có tiền sự về hành vi đánh bạc nhưng vẫn không chịu cải sửa bản thân mà tiếp tục phạm tội đánh bạc, điều đó đã minh chứng bị cáo là người khó cải tạo giáo dục, bị cáo cho rằng hoàn cảnh gia đình khó khăn có mẹ già yếu cần chăm sóc, tuy nhiên gia đình bị cáo còn có nhiều anh chị em khác vẫn có thể thay thế bị cáo trong việc chăm sóc mẹ già, bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù là tương xứng và không cho bị cáo được hưởng án treo là có căn

cứ pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết mới có ý nghĩa giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt tù đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[4] Về án phí: theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Bến Tre;

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 248; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 (chín) tháng tù về “Tội đánh bạc”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện CT (3b);
- Công an và VKSND huyện CT (2b);
- Chi cục THADS huyện CT (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã PĐ (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông

